

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số: 1530/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2014  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Khai thác vận tải đường bộ  
(Road Transport Exploitation)**  
Trình độ đào tạo: **Đại học**  
Ngành đào tạo: **Khai thác vận tải**  
Mã ngành: **52840101**  
Loại hình đào tạo: **Chính quy (Liên thông từ Cao đẳng)**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Đại học Khai thác vận tải đường bộ liên thông lên từ Cao đẳng nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực thực hành nghề nghiệp cơ bản, khả năng thích ứng với những biến đổi trong lĩnh vực Khai thác vận tải đường bộ; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Có kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức chuyên môn toàn diện về quản lý sản xuất và công nghệ vận tải ô tô để phân tích, tổng hợp và tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải của doanh nghiệp vận tải ô tô;
- Có khả năng nghiên cứu, tư duy khoa học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn đặt ra liên quan đến ngành học.
- Có năng lực nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tổng hợp giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

##### 1.2.2. Kỹ năng

- Lập kế hoạch liên quan đến tổ chức hoạt động kinh doanh vận tải cho các đơn vị thuộc
- Tổ chức thực hiện và điều hành quá trình công nghệ vận tải ô tô trên các tuyến vận chuyển;

- Xử lý các tình huống trong quá trình công nghệ vận tải, tổ chức vận tải hàng hóa và
- Tổ chức quản lý, phân tích, tổng hợp các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vận tải ô tô;
- Xây dựng các dự án đầu tư cải tạo thiết bị, phương tiện vận tải, tăng cường năng lực tài chính cho doanh nghiệp vận tải ô tô;
- Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác trong lĩnh vực nghề nghiệp; phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp; khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả theo nhóm, hội nhập được với môi trường quốc tế trong hoạt động kinh doanh vận tải;
- Sử dụng tiếng Anh, công nghệ thông tin, các phần mềm chuyên ngành vào quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vận tải ô tô.

### 1.2.3. Thái độ

- Ý thức được tầm quan trọng của lĩnh vực vận tải đường bộ đối với phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh; rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành pháp luật, đóng góp cho ngành giao thông vận tải và sự phát triển của đất nước;
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để tự học suốt đời.

### 1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư Khai thác vận tải đường bộ có thể làm việc tại các doanh nghiệp vận tải ô tô; trung tâm điều hành giao thông vận tải đường bộ; khu đầu mối giao thông; công ty dịch vụ giao nhận vận tải; các phòng ban chuyên môn thuộc đơn vị quản lý về giao thông vận tải đường bộ; giảng dạy và nghiên cứu về lĩnh vực vận tải đường bộ tại các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề...

### 1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 400 điểm TOEIC.

**2. Thời gian đào tạo:** 1.5 năm

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 47 tín chỉ, học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (2 đvht) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	7	2	9
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	34	4	38
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	5	2	7
2.2	Kiến thức ngành	17	2	19
2.3	Thực hành, thực tập	4		4
2.4	Đồ án tốt nghiệp	8		8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>41</b>	<b>6</b>	<b>47</b>

## **4. Đối tượng đào tạo**

**4.1. Đối tượng tuyển sinh:** người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

### **4.2. Môn thi tuyển đầu vào:**

\* Những người tốt nghiệp Cao đẳng sau thời hạn 36 tháng kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ thi lên trình độ Đại học phải dự thi 3 môn gồm:

- Môn cơ bản: Toán học;
- Môn cơ sở ngành: Kinh tế vận tải ô tô;
- Môn chuyên ngành: Tổ chức vận tải hàng hóa; Tổ chức vận tải hành khách.

\* Những người tốt nghiệp Cao đẳng chưa đủ 36 tháng kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ thi lên trình độ Đại học phải dự thi tuyển các môn văn hóa (khối thi tùy thuộc vào Chuyên ngành đào tạo) theo đề thi 3 chung trong kỳ thi tuyển sinh Đại học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hàng năm.

## **5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp**

\* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

\* Điều kiện tốt nghiệp: thực hiện theo:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

## **6. Thang điểm**

\* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

\* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ học phần Giáo dục thể chất cấp chứng chỉ).

## **7. Nội dung chương trình**

Chương trình đào tạo Đại học liên thông Khai thác vận tải đường bộ được xây dựng theo nguyên tắc so sánh giữa chương trình đào tạo bậc Đại học và chương trình đào tạo bậc Cao đẳng đang áp dụng tại Trường Đại học Công nghệ GTVT. Khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo liên thông được Hội đồng đào tạo liên thông xem xét và Hiệu trưởng quyết định.

### 7.1. So sánh chương trình đào tạo trình độ Đại học và Cao đẳng

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>34 TC</b>	<b>25 TC</b>	<b>9 TC</b>
	<b>* Học phần bắt buộc</b>	<b>30 TC</b>	<b>23 TC</b>	<b>7 TC</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	
6	Tiếng Anh 1	4	4	
7	Tiếng Anh 2	4		4
8	Toán 1	4	4	
9	Toán 2	3		3
10	Tin học đại cương	3	3	
11	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1 đvht	
12	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht	1 đvht	
13	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht		1 đvht
14	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht		1 đvht
15	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht	1 đvht	
16	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3 TC	3 TC	
17	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2 TC	2 TC	
18	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3 TC	3 TC	
	<b>* Học phần tự chọn</b>	<b>4 / 8 TC</b>	<b>2 / 6 TC</b>	<b>2 / 8 TC</b>
1	Môi trường trong giao thông vận tải	2	2	2
2	Văn hóa kinh doanh	2	2	2
3	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	2	2	2
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		2
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>111 TC</b>	<b>91 TC</b>	<b>38 TC</b>
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>41 TC</b>	<b>34 TC</b>	<b>7 TC</b>
	<b>* Học phần bắt buộc</b>	<b>37 TC</b>	<b>32 TC</b>	<b>5 TC</b>
1	Nguyên lý kế toán	3	3	
2	Vẽ kỹ thuật	3	3	
3	Cơ kỹ thuật	3		3

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
4	Kinh tế học	4	4	
5	Nguyên lý thống kê	3	3	
6	Hàng hóa vận tải	2	2	
7	Địa lý vận tải	2	2	
8	Hạ tầng Giao thông vận tải đường bộ	2	2	
9	Định mức kinh tế kỹ thuật vận tải ô tô	3	3	
10	Marketing vận tải	3	3	
11	Tài chính - Tiền tệ	3	3	
12	Kinh tế vận tải ô tô	4	4	
13	Quản trị học	2		2
	<b>* Học phần tự chọn</b>	<b>4 / 8 TC</b>	<b>2 / 6 TC</b>	<b>2 / 8 TC</b>
1	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	2	2	2
2	Pháp luật kinh tế	2	2	2
3	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2	2	2
4	Lý thuyết xác suất - thống kê	2		2
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>51 TC</b>	<b>42 TC</b>	<b>19 TC</b>
	<b>* Học phần bắt buộc</b>	<b>47 TC</b>	<b>40 TC</b>	<b>17 TC</b>
1	Tiếng Anh 3	3	3	
2	Logistics	3	3	
3	Điều tra kinh tế - kỹ thuật vận tải ô tô	2	2	
4	Tổ chức xếp dỡ	3	3	
5	Pháp luật về kinh doanh vận tải ô tô	2	2	
6	Tổ chức vận tải hàng hóa	3	3	2
7	Đồ án Tổ chức vận tải hàng hóa	2	1	2
8	Tổ chức vận tải hành khách	3	3	2
9	Đồ án Tổ chức vận tải hành khách	2	1	2
10	Cấu tạo ô tô	3	3	
11	Thương vụ vận tải	3	3	2
12	Thống kê doanh nghiệp vận tải ô tô	2	2	
13	Kế toán doanh nghiệp vận tải ô tô	3		3
14	Tài chính doanh nghiệp vận tải ô tô	3	3	
15	Tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận tải ô tô	3	3	2
16	Đồ án Tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận tải ô tô	2		2
17	Phân tích hoạt động kinh doanh doanh nghiệp vận tải ô tô	3	3	
18	Khai thác kỹ thuật ô tô	2	2	

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
	<b>* Học phần tự chọn</b>	<b>4 / 6 TC</b>	<b>2 / 6 TC</b>	<b>2 / 6 TC</b>
1	Chiến lược phát triển doanh nghiệp vận tải ô tô	2	2	2
2	Giao nhận vận tải	2	2	2
3	Quản lý dự án	2	2	2
<b>II.3</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</b>	<b>11 TC</b>	<b>11 TC</b>	<b>4 TC</b>
1	Thực hành kỹ thuật ô tô	2	2	
2	Thực tập nghiệp vụ	5	5	
3	Thực tập tốt nghiệp	4	4	4
<b>II.4</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>	<b>8 TC</b>	<b>4 TC</b>	<b>8 TC</b>
1	Đồ án tốt nghiệp	8	4	8
	<b>Tổng số</b>	<b>145</b>	<b>116</b>	<b>47</b>

## 7.2. Tên và khối lượng các học phần

### 7.2.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 9 TC

Bao gồm 7 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 2 đvht) và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>7 TC</b>
1	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
2	Toán 2	DC1CB12	3
3	GDTC 3: Điện kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht
4	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 8 TC</b>
1	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2
2	Môi trường trong giao thông vận tải	DC1CB90	2
3	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2

### 7.2.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 38 TC

#### 7.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 7 TC

Bao gồm 5 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>5 TC</b>
1	Cơ kỹ thuật	DC2CO24	3
2	Quản trị học	DC2KV72	2

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 8 TC</b>
1	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	DC2CB89	2
2	Pháp luật kinh tế	DC2KV93	2
3	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2
4	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2

**7.2.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 19 TC**

Bao gồm 17 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>17 TC</b>
1	Tổ chức vận tải hàng hóa	DL3VB61	2
2	Đồ án Tổ chức vận tải hàng hóa	DC3VB62	2
3	Tổ chức vận tải hành khách	DL3VB63	2
4	Đồ án Tổ chức vận tải hành khách	DC3VB64	2
5	Kế toán doanh nghiệp vận tải ô tô	DC3VB74	3
6	Tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận tải ô tô	DL3VB65	2
7	Đồ án Tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận tải ô tô	DC3VB66	2
8	Thương vụ vận tải	DL3VB16	2
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 6 TC</b>
1	Chiến lược phát triển doanh nghiệp vận tải ô tô	DC3VB76	2
2	Giao nhận vận tải	DC3VB75	2
3	Quản lý dự án	DC3KV77	2

**7.2.2.3. Thực hành, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp (12 TC bắt buộc):**

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
1	Thực tập tốt nghiệp	DC4VB70	4
2	Đồ án tốt nghiệp	DC4VB80	8

**7.3. Khung chương trình đào tạo**

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>9</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>7</b>				
1	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4	45	30		
2	Toán 2	DC1CB12	3	45			

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
3	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht	8	22		
4	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht	3	27		
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/8</b>				
1	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2	30			
2	Môi trường trong giao thông vận tải	DC1CB90	2	30			
3	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2	30			
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>38</b>				
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>7</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>5</b>				
1	Cơ kỹ thuật	DC2CO24	3	45			
2	Quản trị học	DC2KV72	2	30			
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/8</b>				
1	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	DC2CB89	2	30			
2	Pháp luật kinh tế	DC2KV93	2	30			
3	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2	30			
4	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2	30			
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>19</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>17</b>				
1	Tổ chức vận tải hàng hóa	DL3VB61	2	30			
2	Đồ án Tổ chức vận tải hàng hóa	DC3VB62	2			90	DL3VB61
3	Tổ chức vận tải hành khách	DL3VB63	2	30			
4	Đồ án Tổ chức vận tải hành khách	DC3VB64	2			90	DL3VB61
5	Kế toán doanh nghiệp vận tải ô tô	DC3VB74	3	4			
6	Tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận tải ô tô	DL3VB65	2	30			
7	Đồ án Tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận tải ô tô	DC3VB66	2			90	DL3VB65
8	Thương vụ vận tải	DL3VB16	2	30			



STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/6</b>				
1	Chiến lược phát triển doanh nghiệp vận tải ô tô	DC3VB76	2	30			
2	Giao nhận vận tải	DC3VB75	2	30			
3	Quản lý dự án	DC3KV77	2	30			
<b>II.3</b>	<b>Thực hành, thực tập và đồ án tốt nghiệp</b>		<b>12</b>				
1	Thực tập tốt nghiệp	DC4VB70	4			180	
2	Đồ án tốt nghiệp	DC4VB80	8			480	DC4VB70
	<b>Tổng cộng</b>		<b>47</b>				

#### 8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ		
			I	II	III
<b>8.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>9</b>			
1	Tiếng Anh 2	4	4		
2	Toán 2	3	3		
3	GDTC 3: Điện kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht	1		
4	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht		1	
5	Tự chọn 1	2	2		
<b>8.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>38</b>			
<b>8.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>7</b>			
6	Cơ kỹ thuật	3	3		
7	Quản trị học	2		2	
8	Tự chọn 2	2		2	
<b>8.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>19</b>			
9	Tổ chức vận tải hàng hóa	2	2		
10	Đồ án Tổ chức vận tải hàng hóa	2		2	
11	Tổ chức vận tải hành khách	2	2		
12	Đồ án Tổ chức vận tải hành khách	2		2	
13	Kế toán doanh nghiệp vận tải ô tô	3		3	
14	Tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận tải ô tô	2		2	
15	Đồ án Tổ chức và quản lý doanh nghiệp vận tải ô tô	2		2	
16	Thương vụ vận tải	2		2	

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ		
			I	II	III
17	Tự chọn 3	2		2	
<b>8.2.3</b>	<b>Thực hành, thực tập và đồ án tốt nghiệp</b>	<b>12</b>			
18	Thực tập tốt nghiệp	4			4
19	Đồ án tốt nghiệp	8			8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>47</b>	<b>16</b>	<b>19</b>	<b>12</b>

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Đại học Khai thác vận tải đường bộ liên thông từ Cao đẳng thuộc ngành Khai thác vận tải, được xây dựng dựa trên cơ sở so sánh giữa chương trình đào tạo trình độ Đại học cho những người có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Khai thác vận tải đường bộ; người học được sử dụng kết quả học tập đã có ở trình độ Cao đẳng để học tiếp trình độ Đại học;

- Khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo liên thông được Hội đồng đào tạo liên thông xem xét và Hiệu trưởng quyết định.

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Tài liệu giảng dạy, học tập và tham khảo lấy theo giáo trình hoặc bài giảng chuẩn nhà trường đã biên soạn cho hệ Đại học chính quy.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. ĐỖ NGỌC VIỆN**